TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2019/DS–ST
Ngày: 07 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy

2. Ông Vũ Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2019/TLST–DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2018/QĐXXST–DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; Địa chỉ trụ sở: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Văn Hiếu, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 1019/UQ-QLN.18 ngày 25/9/2018) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đào Nguyên K, sinh năm 1974; nơi cư trú cuối cùng: Số 47/5 đường Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C - ông Châu Văn Hiếu trình bày:

Ngày 24/7/2014, Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi là Ngân hàng) có cấp tín dụng cho ông Đào Nguyên K bằng hợp đồng tín dụng trả góp số CVL.UIL.03.240714 (STK: 183962759), chi tiết như sau: Số tiền vay: 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn vay: 48 tháng (kể từ ngày bên vay nhận tiền), mục đích: UIL – Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng, lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn là 18.00%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, ông Đào Nguyên K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 329.200.000 (Ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm ngàn) đồng, trong đó: vốn gốc là 205.515.795 (Hai trăm lẻ năm triệu năm trăm mười lăm ngàn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, lãi là 123.484.205 (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm lẻ năm) đồng, phạt trễ kỳ là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Do ông Đào Nguyên K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/10/2017, Ngân hàng TMCP C đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 07/11/2019, ông Đào Nguyên K còn nợ Ngân hàng TMCP C tổng số tiền là: 186.159.200 (Một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 114.484.205 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm lẻ năm) đồng, lãi trong hạn là: 5.647.272 (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là: 65.427.723 (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi ba) đồng, phạt chậm trả là: 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng.

Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xem xét và buộc ông Đào Nguyên K trả cho Ngân hàng TMCP C khoản tiền còn thiếu nêu trên và ông K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 08/11/2019 cho đến ngày ông K trả dứt nợ. Ông K phải trả nợ theo thứ tự như sau: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Ông Đào Nguyên K vay tiền mục đích tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng TMCP C chỉ yêu cầu cá nhân ông K có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP C và trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Châu Văn Hiếu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa và có văn bản xác định Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông Đào Nguyên K phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/11/2019 là: 186.159.200 (Một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 114.484.205 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm lẻ năm) đồng, lãi trong hạn là: 5.647.272 (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là: 65.427.723 (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi ba) đồng, phạt chậm trả là: 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng, Ngân hàng yêu cầu ông K trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Đào Nguyên K phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông K

thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn ông Đào Nguyên K mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông Đào Nguyên K vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các qui định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện ông Đào Nguyên K, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 47/5 đường Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu ông K phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng TMCP C.

Căn cứ vào xác nhận của Công an Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/11/2018 thì đương sự Đào Nguyên K, sinh năm 1974 đã xuất cảnh định cư tại nước Mỹ, hiện không còn cư trú tại địa chỉ: Số 47/5 đường Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2016 đến nay. Và tại Công văn số 543/QLXNC-P5 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp cho Tòa án thông tin xuất nhập cảnh của ông Đào Nguyên K xác định: "Ông Đào Nguyên K, sinh ngày 01/01/1974, thường trú tại 47/5 Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp hộ chiếu số B8392542 ngày 09/9/2013. Đương sự đã xuất nhập cảnh 04 lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 06/7/2017, chưa có thông tin nhập cảnh". Tuy nhiên, công văn không nêu rõ nơi đến và địa chỉ cụ thể nơi cư

trú hiện nay của ông K. Đồng thời, nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông K. Do đó, Tòa án không thể xác định được nơi cư trú hiện nay của ông K.

Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án: "Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Tại Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đã được một Tòa án Việt Nam thụ lý giải quyết theo quy định về thẩm quyền của Bộ luật này thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết có sự thay đổi quốc tịch, nơi cư trú, địa chỉ của các đương sự hoặc có tình tiết mới làm cho vụ việc dân sự đó thuộc thẩm quyền của Tòa án khác của Việt Nam hoặc của Tòa án nước ngoài."

Như vậy, đây là vụ án: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C - ông Châu Văn Hiếu là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn ông Đào Nguyên K đã được Toà án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông Đào Nguyên K không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông K, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp số CVL.UIL.03.240714 (STK: 183962759) ngày 24/7/2014 đã đủ cơ sở xác định ông K được Ngân hàng TMCP C cấp tín dụng với số tiền vay là: 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn vay: 48 tháng (kể từ ngày bên vay nhận tiền), mục đích: UIL - Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Tiêu dùng, lãi suất vay được quy định như sau: lãi suất trong hạn là 18.00%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ vào Bảng kê tính lãi khách hàng Đào Nguyên K tính đến ngày 07/11/2019 do Ngân hàng cung cấp thể hiện từ ngày 06/10/2017 đến nay, ông K không thanh toán một khoản tiền nào cho Ngân hàng. Ngày 24/7/2014, Ngân hàng có thông báo lịch trả nợ vay cho ông K và ông K có ký xác nhận vào thông báo đó cho thấy ông K có vay tiền của Ngân hàng và biết rõ thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông K vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ngày 30/9/2017, Ngân hàng có thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với ông K nhưng ông K vẫn không thanh toán tiền cho Ngân hàng.

Xét thấy, việc ông K không thanh toán tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K phải trả số tiền trên là có căn cứ. Mặt khác, xét về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản vay dưới hình thức tín dụng trả góp cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu ông K có trách nhiệm trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đào Nguyên K phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/11/2019 là: 186.159.200 (Một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 114.484.205 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm lẻ năm) đồng, lãi trong hạn là: 5.647.272 (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là: 65.427.723 (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi ba) đồng, phạt chậm trả là: 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng. Ngân hàng yêu cầu ông K trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và ông K còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày ông K thanh toán hết số nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đào Nguyên K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.307.960 (Chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn chín trăm sáu mươi) đồng.

Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C:

Buộc ông Đào Nguyên K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tính đến ngày 07/11/2019 là: 186.159.200 (Một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 114.484.205 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm lẻ năm) đồng, lãi trong hạn là: 5.647.272 (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là: 65.427.723 (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi ba) đồng, phạt chậm trả là: 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng. Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP C, ông Đào Nguyên K còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số CVL.UIL.03.240714 ngày 24/7/2014 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Nguyên K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.307.960 (Chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn chín trăm sáu mươi) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.393.938 (Ba triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm ba mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0029165, ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền